

Số: **24/2025/QĐST-HNGĐ**

Châu Thành, ngày 22 tháng 8 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – TỈNH ĐỒNG THÁP

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 379 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật án phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 131/2025/TLST-VHNGĐ ngày 04/8/2025 về việc “ Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1/ Ông **TRƯƠNG MINH N** - sinh năm 1984

Địa chỉ: ấp 1, xã M, huyện T, tỉnh Đ.

Nay là ấp 1, xã Tháp M, tỉnh Đ

2/ Bà **PHẠM T KIM C** - sinh năm 1989

Địa chỉ: ấp K, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

Nay là: ấp K, xã T, tỉnh Đồng Tháp

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

[1] Về quan hệ hôn nhân: ông N1 và bà C tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang số 118 ngày 28/12/2011. Quá trình chung sống, giữa ông N1 và bà C có xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng không còn tình cảm yêu thương, chăm sóc lẫn nhau, mặc dù vợ chồng đã cho nhau cơ hội hàn gắn nhưng không có kết quả. Nay ông N1, bà C thống nhất thuận tình ly hôn phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] Về con chung: có 01 con chung tên Trương Thị Ý N– sinh ngày 25/11/2012, hiện cháu N đang sống với bà C. Khi ly hôn ông N1 và bà C thống nhất để bà C tiếp tục nuôi dưỡng cháu N, ông N1 không phải cấp dưỡng nuôi con. Ông N1 được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

[3] Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

[5] Về lệ phí: ông N1, bà C tự nguyện chịu.

Do việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 14 tháng 8 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, Toà án chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận giữa hai bên đương sự.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trương Minh N1 và bà Phạm Thị Kim C thuận tình ly hôn.

- Về con chung: giao cho bà Phạm Thị Kim C được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Trương Thị Ý N– sinh ngày 25/11/2012 cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi, lao động được. Ông Trương Minh N1 không phải cấp dưỡng nuôi con. Ông Trương Minh N1 được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

- Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết

2. Về lệ phí: ông N1 và bà C mỗi người tự nguyện chịu 150.000 đồng lệ phí việc dân sự sơ thẩm, được trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng lệ phí mà ông N1, bà C đã nộp theo biên lai thu số 0001135 ngày 04/8/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp, xem như đã nộp xong.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 3, ĐT;
- Phòng THADS khu vực 3, ĐT;
- UBND xã Tân Phước 3;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Tuấn Anh

